

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ ĐẤT GÒ ĐỒI Ở HUYỆN VÕ NHAI – TỈNH THÁI NGUYÊN

Ngô Xuân Hoàng

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Ở huyện Võ Nhai, quỹ đất trong các hộ nông dân chủ yếu là đất lâm nghiệp (61,1%), đất nông nghiệp ít (32,3%) trong đó chủ yếu là đất dốc. Đất vườn đồi (6,7%) đang được các hộ quan tâm sử dụng, đất nương (7,6%), đất lâm nghiệp và đất mặt nước chưa được chú ý khai thác sử dụng. Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất cho thấy: đất vườn đồi/vườn rừng mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, tính bình quân GO đạt 6,5-12,8trđ/ha sau đó là đất nương rẫy đạt bình quân GO từ 6,36-9,45 trđ/ha tiếp đó là đất lâm nghiệp GO đạt 4,2-6,2 trđ/ha và cuối cùng là đất mặt nước GO đạt 4,6 trđ/ha. Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất gò đồi của huyện Võ Nhai, cần thực hiện tốt các giải pháp: Giải pháp về quy hoạch sử dụng đất cho từng xã, giải pháp về khuyến nông, giải pháp về vốn cho hộ nông dân, giải pháp về thị trường và chế biến sản phẩm, giải pháp xây dựng, phát triển mô hình trang trại phù hợp với địa phương.

Từ khoá: *Giải pháp chủ yếu, sử dụng có hiệu quả, đất gò đồi*

ĐẤT VẤN ĐỀ

Võ Nhai là huyện vùng cao của tỉnh Thái Nguyên, gồm 14 xã và một thị trấn với tổng số nhân khẩu là 62.744 người và tổng diện tích đất tự nhiên là 84. 510,4 ha (2008), trong đó đất nông nghiệp 7.318,7 ha (8,68%), đất lâm nghiệp 56.238 ha (66,7%). Trong những năm gần đây, khai thác và sử dụng đất gò đồi đã đạt được những thành tựu đáng kể, tuy nhiên chưa xứng với tiềm năng đất đai của huyện. Nhìn chung, kết quả và hiệu quả đem lại trên đơn vị diện tích thấp, đất chưa sử dụng còn khoảng 24,6% trong đó 85,2% là đất có khả năng phát triển sản xuất gò đồi. Do vậy, đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng đất gò đồi nhằm tìm ra những giải pháp khả thi góp phần sử dụng có hiệu quả nguồn đất đai của huyện là việc làm hết sức cần thiết. Với quan điểm đó, trong bài viết này chúng tôi muốn làm rõ thực trạng và hiệu quả sử dụng đất gò đồi ở huyện Võ Nhai, kết quả đạt được, những hạn chế và tiềm năng nâng cao hiệu quả sử dụng đất gò đồi từ đó đề xuất những giải pháp chủ yếu mang tính khả thi nhằm sử dụng có hiệu quả đất gò đồi trên địa bàn huyện trong những năm tiếp theo.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

+ Để tiến hành nghiên cứu chúng tôi đã chọn 8 xã, trong đó có 5 xã vùng thấp và 3 xã vùng cao, các xã này được phân bố ở các vùng

trong huyện. Sau đó chọn 240 hộ để điều tra thu thập số liệu.

+ Để thu thập số liệu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp điều tra trực tiếp qua chứng từ sổ sách, phương pháp chuyên gia, chuyên khảo, phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA), phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA), phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát thực tế.

+ Số liệu được kiểm tra chính lý và khẳng định độ tin cậy sau đó trình bày ở bảng thống kê, đồ thị thống kê, trên bảng tính toán EXCEL và phân tổ. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường, được tính cho từng loại cây trồng, từng công thức luân canh, mô hình sử dụng đất trên từng vùng. Bên cạnh đó phương pháp phân tích thống kê kinh tế và nhiều phương pháp phân tích khác cũng đã được dùng trong phân tích và dự báo.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

VÀ THẢO LUẬN

Đặc điểm và cơ cấu sử dụng đất gò đồi ở huyện Võ Nhai

Huyện Võ Nhai được chia thành 3 tiểu vùng nhỏ thuộc 2 vùng sinh thái: *vùng núi cao* thuận lợi phát triển sản xuất lâm nghiệp, trồng cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc; *vùng núi thấp* hướng phát triển chính là trồng lúa, cây lương thực, rau màu, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Qua nghiên cứu đặc điểm sử dụng đất cho thấy: quỹ đất chủ yếu là đất lâm

* Tel: 0912140868

nh nghiệp (61,1%), đất nông nghiệp ít (32,3%) trong đó chủ yếu là đất dốc. Đất đất vườn đồi (6,7%) đang được các hộ quan tâm sử dụng, đất nương (7,6%), đất lâm nghiệp và đất mặt nước chưa được chú ý khai thác sử dụng. Ngành nghề của các hộ chủ yếu là thuần nông (TN), nhóm hộ nông lâm kết hợp (NLKH) và nông lâm ngành nghề (NLNN) đứng thứ 2, nhóm nông nghiệp dịch vụ (NNDV) và nông lâm dịch vụ (NLDV) ở cả hai vùng chiếm tỷ lệ nhỏ. Mô hình sử dụng đất có sự khác biệt rõ nét giữa 2 vùng, sự khác biệt chủ yếu là do quỹ đất và tập quán sản xuất. Do vậy, muốn nâng cao hiệu quả sử dụng đất phải đa dạng hoá ngành nghề, phát triển mô hình sử dụng đất có hiệu quả, sử dụng tổng hợp các loại đất và phát huy lợi thế của vùng.

Hiệu quả kinh tế sử dụng một số loại đất gò đồi (nương rẫy, vườn đồi/vườn rừng, mặt nước, lâm nghiệp).

a. Hiệu quả kinh tế sử dụng đất nương rẫy
 * *Hiệu quả kinh tế các loại cây trồng:* các cây trồng đỗ tương, lạc, khoai tàu và cây ăn quả đạt được hiệu quả kinh tế cao, lúa nương và ngô cho hiệu quả kinh tế thấp hơn. Tuy vậy, cơ cấu cây trồng còn đơn điệu chủ yếu là giống địa phương năng suất thấp, đầu tư hạn chế. Do vậy, trong thời gian tới cần thử nghiệm một số giống mới năng suất cao.
 * *Hiệu quả kinh tế các công thức luân canh chủ yếu.* Số liệu cho thấy, *đối với vùng thấp* công thức luân canh đậu tương-bí đỏ/rau/khoai lang đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất (GO đạt 10,5 trđ/ha CT), thứ 2 là công

thức Khoai tàu-Ngô Bioseed (GO đạt 9,45 trđ/ha CT), thấp nhất là công thức: Lúa nương -Ngô Bioseed (GO đạt 6,36 trđ/ha CT). *Đối với vùng cao:* công thức Khoai tàu-Ngô Bioseed cho hiệu quả kinh tế cao nhất (GO đạt 8,87 trđ/ha CT), tiếp đó là công thức Đậu tương- Bí đỏ/rau/khoai lang, công thức khác hiệu quả thấp hơn.

* *Hiệu quả kinh tế sử dụng đất nương rẫy theo phương thức canh tác.* Bảng 01 cho thấy: phương thức canh tác mới trên nương cố định đã mang lại hiệu quả cao rõ rệt so với phương thức canh tác truyền thống (phương thức canh tác cũ). Do vậy việc tuyên truyền, vận động và hỗ trợ các hộ nông dân xây dựng nương rẫy thành nương cố định là việc làm hết sức cần thiết, các mô hình này cũng cần được phát triển cho các hộ nghèo thông qua thăm quan, tập huấn...

b. Hiệu quả kinh tế đất vườn đồi/rừng (mô hình trồng cây lương thực, mô hình cây chè, mô hình cây ăn quả, mô hình vườn tạp và nông lâm kết hợp).

* *Hiệu quả kinh tế các cây trồng chủ yếu trên đất vườn đồi/vườn rừng.* Nhìn chung ở cả hai vùng, cây ngắn ngày như: cây đậu tương đạt hiệu quả kinh tế cao nhất (GO đạt 5,0 trđ/ha CT), tiếp đó là cây lạc (GO đạt 4,7 trđ/ha CT), sau đó là lúa và ngô. Trong các cây dài ngày, cây hồng, cam, cây chè vẫn là các loại cây đem lại hiệu quả kinh tế cao, thấp nhất là cây quýt do ảnh hưởng của yếu tố năng suất, giá cả...

Bảng 01 Hiệu quả kinh tế của 2 phương thức canh tác trên đất nương rẫy năm 2008 tại điểm điều tra (Bình quân 1 ha CT)

Chỉ tiêu	GO (1000đ)	MI (1000đ)	VA (1000đ)	GO/IC (lần)	VA/IC (lần)	MI/IC (lần)	GO/Ng lđ (1000đ)	VA/Ng lđ (1000đ)	MI/Ng lđ (1000đ)
I Vùng thấp									
1 Phương thức cũ	4169,0	3465,0	2728,3	3,3	2,8	2,1	21,5	17,9	16,1
2 Phương thức mới	8296,5	7086,0	5614,2	3,4	3,1	2,4	24,6	21,0	17,3
II Vùng cao									
1 Phương thức cũ	4015,5	3166,0	2317,5	3,1	2,5	2,0	20,1	15,9	14,0
2 Phương thức mới	8094,4	7261,0	4980,2	3,2	2,7	2,2	22,2	19,9	15,1

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

* *Hiệu quả kinh tế tổng hợp các mô hình sản xuất vườn đồi* (mô hình 1: trồng cây lương thực, mô hình 2: cây chè, mô hình 3: cây ăn quả, mô hình 4: vườn tạp và mô hình 5: nông

lâm kết hợp). Hiệu quả kinh tế của mô hình được tổng hợp tại bảng 02 cho thấy: mô hình 2, 3 và mô hình 5 có hiệu quả kinh tế cao hơn các mô hình khác, điều này cũng phù hợp với

thực tế định hướng phát triển kinh tế vườn đồi của huyện là mở rộng và phát triển các mô hình cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày và mô hình nông lâm kết hợp, tiến tới thu hẹp và xoá bỏ mô hình vườn tạp, vườn trồng các loại cây lương thực đem lại hiệu quả kinh tế thấp.

c. Hiệu quả kinh tế sử dụng diện tích mặt nước và đất lâm nghiệp

* *Đối với diện tích đất mặt nước.* Hiện nay các nông hộ sử dụng diện tích mặt nước chủ yếu là để nuôi cá theo hướng quảng canh và thâm canh. Hiệu quả nuôi trồng theo hướng quảng canh chỉ đạt GO là 2,3 trđ/ha nuôi trồng, bằng 1/2 so với nuôi thâm canh. Nhìn chung việc nuôi trồng còn nhỏ lẻ, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Do vậy, đa dạng hoá việc nuôi trồng các loại thủy sản (tôm, cua) hoặc phát triển mô hình vịt-cá, lúa-cá sẽ là hướng đi tích cực để nâng cao tối đa hiệu quả diện tích mặt nước sẵn có.

* *Đối với diện tích đất lâm nghiệp.* Hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp còn thấp, hiệu quả 1 ha rừng tự nhiên (GO đạt 6,2 trđ/ha) cao hơn rừng trồng (GO đạt 5,0 trđ/ha) và rừng khoanh nuôi tái sinh/khoanh nuôi bảo vệ (GO đạt 3,9 trđ/ha), hiệu quả ở vùng thấp cao hơn vùng cao. Do vậy

tăng cường đầu tư thâm canh, nâng cao tỷ lệ sống, làm tốt công tác bảo vệ, khai thác, giải quyết tốt chính sách giá cả và thị trường đầu ra cho sản phẩm là biện pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng đất gò đồi.

Hiệu quả xã hội và môi trường trong sử dụng đất gò đồi

Qua phân tích một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội và môi trường trong sử dụng đất vườn đồi cho thấy: cây lạc, đậu tương, cây ăn quả (*đất nương*); các cây trồng như chè, cây ăn quả các loại, lạc, đậu tương (*đất đồi*) mang lại hiệu quả cao, cần được chú ý phát triển với cơ cấu hợp lý nhằm đảm bảo an ninh lương thực và có sản phẩm hàng hoá. Các công thức luân canh đậu tương- ngô/rau (*đất nương*); các mô hình cây chè, cây ăn quả, nông lâm kết hợp (*đất đồi*) đem lại hiệu quả cao cần được mở rộng. Cần phát triển cả rừng trồng và diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh. Đối với diện tích mặt nước cần phát triển theo hướng thâm canh với cơ cấu thủy sản thích hợp. Đối với toàn huyện, góp phần giải quyết công ăn việc làm tại chỗ bình quân từ 15-25%/năm, nâng cao thu nhập cho người lao động giảm tỷ lệ nghèo đói.

Bảng 02 Hiệu quả kinh tế tổng hợp các mô hình sản xuất vườn đồi năm 2008 tại điểm điều tra (Bình quân 1 ha TT)

Mô hình	GO (1000đ)	VA (1000đ)	MI (1000đ)	GO/IC (lần)	VA/IC (lần)	MI/IC (lần)	GO/Ng ld (1000đ)	VA/Ng ld (1000đ)	MI/Ng ld (1000đ)
I. Vùng thấp									
Mô hình 1	4017,8	3402,8	2787,8	3,3	2,8	2,3	18,5	14,5	12,5
Mô hình 2	15167,5	13258,0	11348,5	4,0	3,5	3,0	35,2	28,8	26,3
Mô hình 3	12731,0	11079,0	9426,9	3,9	3,4	2,9	47,0	42,0	34,5
Mô hình 4	3575,0	3076,0	2577,0	3,6	3,1	3,0	19,4	16,7	14,0
Mô hình 5	10825,0	9300,0	7775,0	3,5	3,0	2,5	32,5	27,9	23,3
II. Vùng cao									
Mô hình 1	3765,0	3178,3	2591,5	3,2	2,7	2,2	17,7	22,3	12,0
Mô hình 2	13837,5	11995,3	10153,0	3,8	3,3	2,8	34,6	30,0	25,3
Mô hình 3	12106,5	10541,5	8976,4	3,9	3,4	2,9	45,5	26,1	33,2
Mô hình 4	3279,0	2809,5	2340,0	3,5	3,0	2,5	19,1	16,4	13,6
Mô hình 5	10725,0	9162,5	7600,0	3,4	2,9	2,5	32,3	27,6	22,9

Nguồn: tổng hợp từ số liệu điều tra.

Giải pháp chủ yếu nhằm sử dụng có hiệu quả đất gò đồi ở huyện Võ Nhai

Trong giai đoạn 2007-2015, cải tạo 10.651,5 ha đất đồi núi để trồng rừng sản xuất, xây dựng mô hình nông lâm kết hợp, trồng cây công

nghiệp, cây ăn quả và phát triển chăn nuôi đại gia súc. Phương hướng sử dụng đất gò đồi chủ yếu là: huy động tối đa quỹ đất cây hàng năm, đất cây lâu năm, đất nương rẫy, đất vườn đồi, vườn rừng vào sản xuất; chuyển giao các tiến

bộ kỹ thuật nông lâm nghiệp đến các hộ nông dân, mở rộng diện tích các loại cây công nghiệp và cây ăn quả; khuyến khích nông hộ làm giàu và phát triển thành trang trại gia đình.

Giải pháp chung

*** Giải pháp về quy hoạch sử dụng đất cho từng xã.** Cần hoàn thành việc xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất cho các xã, việc xây dựng phương án quy hoạch cần có sự tham gia của người dân. Tiếp tục hoàn chỉnh việc giao đất giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ thể sử dụng đất. Bên cạnh đó cần khuyến khích nông dân trao đổi, chuyển nhượng đất, tăng cường tập trung ruộng đất; kết hợp giao quyền quản lý sử dụng đất đai và công tác khuyến nông; đề nghị các chủ sử dụng đất cần tuân thủ chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất.

*** Giải pháp về khuyến nông.**

Về nội dung hoạt động: cần tập trung hỗ trợ nông dân cách tổ chức sản xuất hướng dẫn kỹ thuật canh tác trên đất dốc, chống xói mòn, cách sử dụng vốn, hạch toán kinh tế, sử dụng phân bón, phòng trừ sâu bệnh, chú ý đến kỹ thuật đầu tư thấp, phát huy kiến thức bản địa về cây trồng, chế biến, bảo quản sản phẩm. Tuy vậy, cần xác định các chủ đề đào tạo cho phù hợp với từng đối tượng nông hộ (hộ khá giàu, trung bình, nghèo).

Về phương pháp hoạt động: cần xây dựng kế hoạch sớm và phát huy tối đa sự tham gia của người dân; tổng kết kinh nghiệm tìm ra phương pháp khuyến nông phù hợp với địa phương; sử dụng phương pháp truyền đạt ngắn gọn, dễ hiểu, chủ yếu là trao đổi kết hợp với việc sử dụng các hình ảnh, tờ bướm kỹ thuật, mô hình; khuyến cáo phải dễ áp dụng và phù hợp với điều kiện nông dân; tăng cường cung cấp thông tin cho nông dân thông qua sách báo, ấn phẩm khuyến nông, đài, ti vi; xây dựng các câu lạc bộ khuyến nông, nhóm sở thích, làng khuyến nông tự quản. Phải chuyển hẳn *phương pháp khuyến nông cung cấp hiện nay sang khuyến nông theo yêu cầu.*

*** Giải pháp về vốn cho hộ nông dân.**

Đối với hộ khá và quỹ đất lớn, cần tăng cường vốn vay trung hạn (4-6 trđ) và vốn vay dài hạn (10-15 trđ). Hộ trung bình cần tăng

cường lượng vốn vay trung hạn (4-6 trđ). Các hộ nghèo tăng cường cho vay vốn từ 2-3 trđ (chủ yếu là hiện vật). Bên cạnh đó Ngân hàng cần cải tiến thủ tục vay vốn, đa dạng nguồn vốn vay, hình thành quỹ tín dụng nhân dân, gắn chặt giữa hoạt động cho vay, khuyến nông và hệ thống dịch vụ vật tư.

*** Giải pháp về thị trường và chế biến sản phẩm.**

Về thị trường. Gắn người sản xuất với tiêu dùng, giữa sản xuất với chế biến thông qua xây dựng mối liên hệ giữa tổ chức tiêu thụ với nhóm nông hộ. Bên cạnh đó việc cung cấp thông tin về giá sẽ giúp cho nông hộ đưa ra quyết định đúng đắn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nào có lợi nhất.

Vấn đề sơ chế biến. Đối với cấp hộ gia đình, cần chú ý hoạt động làm sạch, tẩy rửa, sấy khô sản phẩm, sơ chế. Đối với cấp thôn bản, có thể hình thành tổ sơ chế tập trung, với qui mô nhỏ để chế biến một số loại nông - lâm sản phổ biến ở địa phương (bảo quản tươi, sấy khô, chưng cất tinh dầu, sản xuất cốt ván ép, hàng thủ công mỹ nghệ). Đối với cấp huyện, cần đề nghị với Nhà nước cho phép xây dựng 1-2 cơ sở chế biến với quy mô vừa, chế biến sản phẩm mọt, mận, vải nhãn, gỗ ván ép, hàng thủ công mây tre đan, đó là nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương.

*** Giải pháp xây dựng, phát triển mô hình trang trại phù hợp với địa phương.**

Giải pháp này có thể áp dụng đối với hộ khá giàu hoặc có quỹ đất lớn. Ở huyện Võ Nhai các nông hộ có thể phát triển trang trại theo 4 hướng: *trang trại nông lâm kết hợp, trang trại lâm nghiệp, trang trại nông lâm - dịch vụ, trang trại nông lâm ngành nghề.* Tuy vậy cần có hướng dẫn và chính sách cụ thể để giúp các hộ phát triển đúng hướng.

Giải pháp cụ thể

*** Đối với đất nương rẫy.** Trên cơ sở thực trạng và hướng sử dụng diện tích đất nương trong tương lai, theo chúng tôi các giải pháp quan trọng bao gồm: *áp dụng và phát triển kỹ thuật canh tác trên đất dốc; lựa chọn tập đoàn giống và loại phân bón thích hợp cho cây trồng trên nương rẫy; chuyển những diện tích nương rẫy trồng cây ngắn ngày kém hiệu*

quả sang trồng cây dài ngày và cây được liệu ở nơi phù hợp.

* **Đối với đất vườn đồi, vườn rừng.** Cần phải chú ý tăng cường phát triển các mô hình vườn đồi/vườn rừng có hiệu quả kinh tế cao (NLKH, cây ăn quả, chè); cải tạo vườn tạp trở thành vườn cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao; cải tạo và lựa chọn giống cây trồng phù hợp, năng suất cao chất lượng tốt dễ tiêu thụ; cải tạo đất và áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất.

* **Đối với diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản.** Hướng dẫn các hộ sử dụng diện tích mặt nước theo hướng đa dạng và thâm canh. Giúp một số hộ có điều kiện sản xuất giống tại chỗ để cung cấp cho các hộ trong vùng.

* **Đối với đất lâm nghiệp.** Đối với diện tích rừng tự nhiên chưa giao cần khảo sát đo đạc và giao cho các chủ thể quản lý, sử dụng thông qua các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế, có thể theo hình thức bán rừng có thời hạn nhằm bảo vệ và phát triển rừng trong hiện tại và tương lai. Diện tích rừng khoanh nuôi bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh đã giao. Cần tiếp tục động viên các chủ quản lý sử dụng thực hiện tốt việc bảo vệ và trồng rừng bổ sung, thay đổi định mức chi phí cho 1 ha rừng khoanh nuôi bảo vệ, mức kinh phí khoảng 100.000đ/ha/năm, giao khoán 30-50 năm là thích hợp, hỗ trợ lương thực cho các hộ khi cần thiết. Diện tích rừng trồng theo chương trình PAM, 327, 661, 135, đề nghị các chủ thể thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ thường xuyên nhằm nâng cao tỷ lệ sống và tỷ lệ cây được khai thác, chú ý kỹ thuật khai thác và chính sách tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Diện tích đất có khả năng lâm nghiệp, trồng rừng trên toàn bộ diện tích thông qua chương trình 5 triệu ha rừng, chương trình trồng rừng nguyên liệu, kết hợp với phát triển chăn nuôi đại gia súc ở nơi phù hợp.

KẾT LUẬN.

Võ Nhai là huyện vùng cao của tỉnh Thái Nguyên, trong những năm gần đây, khai thác và sử dụng đất nông lâm nghiệp nói chung, đất gò đồi nói riêng đã đạt được những thành tựu đáng kể, tuy nhiên chưa xứng với tiềm

năng đất đai của huyện. Trong các hộ nông dân, đất chủ yếu là đất lâm nghiệp (61,1%), đất nông nghiệp ít (32,3%) trong đó chủ yếu là đất dốc. Đất đất vườn đồi (6,7%) đang được các hộ quan tâm sử dụng, đất nương (7,6%), đất lâm nghiệp và đất mặt nước chưa được chú ý khai thác sử dụng.

Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng một số loại đất gò đồi cho thấy: đất vườn đồi/vườn rừng mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, tính bình quân GO đạt 6,5-12,8trđ/ha sau đó là đất nương rẫy đạt bình quân GO từ 6,36-9,45 trđ/ha tiếp đó là đất lâm nghiệp GO đạt 4,2-6,2 trđ/ha và cuối cùng là đất mặt nước GO đạt 4,6 trđ/ha.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất gò đồi của huyện Võ Nhai, trong những năm tới cần thực hiện tốt các giải pháp: *Giải pháp về quy hoạch sử dụng đất cho từng xã, giải pháp về khuyến nông, giải pháp về vốn cho hộ nông dân, giải pháp về thị trường và chế biến sản phẩm, giải pháp xây dựng, phát triển mô hình trang trại phù hợp với địa phương.* Bên cạnh đó cũng cần chú ý đến các biện pháp kỹ thuật đối với từng loại đất nhằm tăng nhanh hiệu quả sử dụng các loại đất trên phạm vi toàn huyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo quy hoạch sử dụng đất cả nước đến năm 2010 (1996). Trình quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 10, kèm tờ trình số 4665/KTN ngày 15/9, Hà Nội.
- [2]. Chu Hữu Quý (1999), *Những vấn đề đặt ra đối với hộ nông dân trong việc sử dụng đất hiện nay*, Tài liệu hội thảo HAU - JICA, Hà Nội, tháng 10.
- [3]. UBND huyện Võ Nhai (2008), Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp huyện Võ Nhai, Võ Nhai, tháng 12.
- [4]. Ngô Xuân Hoàng (2003), *Giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông lâm nghiệp ở huyện Bạch Thông-tỉnh Bắc Kạn*, Luận án Tiến sỹ Kinh tế, Hà Nội.
- [5]. Ngô Xuân Hoàng (2006) *Giải pháp chủ yếu nhằm sử dụng có hiệu quả đất gò đồi ở huyện Võ Nhai – tỉnh Thái Nguyên*, Đề tài NCKH cấp bộ.

- [6]. Hoàng Việt (1998), *Vấn đề sở hữu ruộng đất canh tác ở ngoại thành Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp bộ, Hà Nội. khoa học kinh tế, Trường ĐH Nông nghiệp I, HN.
- [7]. Vũ Thị Phương Thủy (2000), *Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất*

MAJOR SOLUTION TO USE HILL LAND IN VO NHAI DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE EFFECTIVELY

Ngô Xuân Hoàng²

College of Economics and Tecnology – Thai Nguyen University

SUMMARY

In Vo Nhai district, almost land of household is forestry-land (made up 61.1%), and agriculture land made up 32.3% (it almost is sloping land). Hill-garden land (reached 6.7%) is the land which households are using. However, milpa-land (7.6%), forestry-land and water-surface still not to exploit.

The evaluated results of land economic using effect showed that: hill-garden land and forestry-garden made highest benefice with GO of 6.5 to 12.8 mil. VND/ha (in the average); The next one is milpa-land (GO of 6.36 to 9.45 mil. VND/ha), Forestry-land (GO of 4.2 to 6.2 mil. VND/ha), and the last one is water-surface with GO reached 4.6 mil.VND/ha.

In order to enhance the using effect of middle-land in Vo Nhai district, we need to implement the good solutions on land-use plan for each village; And solutions of extension, funds for farmers, market and produce-processing; Construction and development the farm models which suitable with each local area.

Key words: *Mail solutions for effectivelly using of middle-land*

² Tel: 0912140868